

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST

Ngày 17/7/2023

V/v “Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Anh;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Vũ Thị Hòa;
- Ông Hoàng Văn Ngân;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Xuân Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 76/2023/TLST - HNGĐ ngày 19/4/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2023 giữa :

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Hồng N** - sinh năm 1994

Địa chỉ: **Tổ A, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai**. Có mặt.

Bị đơn: Anh **Đỗ Tuấn L** - Sinh năm 1991

Địa chỉ: **Tổ B, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai**. Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Phạm Thị Hồng N** trình bày: Chị và anh **Đỗ Tuấn L** kết hôn với nhau ngày 18/11/2018 tại **phường K, thành phố L** trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế. **Anh L1** không quan tâm chăm sóc đến gia đình, nợ nần nhiều, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Đến nay chị **Phạm Thị Hồng N** xét thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Đỗ Tuấn L**.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có một con chung cháu **Đỗ Tuấn T** sinh ngày 30/5/2019. Hiện nay cháu phát triển khỏe mạnh bình và đang ở cùng mẹ. Khi ly hôn chị **N** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu **Đỗ Tuấn T** đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh **L** phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị **N** không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh **Đỗ Tuấn L**: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh **Đỗ Tuấn L** và tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh **L** nhưng anh **L** không có văn bản trả lời và cũng không đến Tòa án làm bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng đảm bảo đúng trình tự luật định, không vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, chuyên hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Đề nghị Tòa án áp dụng khoản 1 điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Phạm Thị Hồng N**, xử cho chị **Phạm Thị Hồng N** được ly hôn với anh **Đỗ Tuấn L**.

Về con chung: Giao cháu **Đỗ Tuấn T** sinh ngày 30/5/2019 cho chị **Phạm Thị Hồng N** trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh **Đỗ Tuấn L** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn nộp đầy đủ các chứng cứ theo quy định. Tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp hôn nhân gia đình. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai theo khoản 1 Điều 28; Khoản 1 điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn anh **Đỗ Tuấn L** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt, không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227; khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh **Đỗ Tuấn L**.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị **Phạm Thị Hồng N** và anh **Đỗ Tuấn L** kết hôn ngày 18/11/2018 có đăng ký kết hôn tại **UBND phường K, thành phố L** trên cơ sở tự nguyện, do vậy hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm

sống và làm ăn kinh tế, anh **L** không quan tâm đến gia đình, nợ nần nhiều, vợ chồng thường xảy ra cãi chửi nhau, từ đó tình cảm vợ chồng dần xa cách. Chị **Phạm Thị Hồng N** đã cung cấp xác nhận của chính quyền địa phương về mâu thuẫn vợ chồng là đúng sự thật. Xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Phạm Thị Hồng N** là phù hợp.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có một con chung là cháu **Đỗ Tuấn T** sinh ngày 30/5/2019. Chị **Phạm Thị Hồng N** là nhân viên ngân hàng, thu nhập hàng tháng trung bình khoảng là 10.000.000 đồng/tháng, chị **N** không yêu cầu anh **L** phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy chị **Phạm Thị Hồng N** có khả năng, điều kiện để nuôi con chung. Trong thời gian anh chị xảy ra mâu thuẫn chị **N** là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu **Đỗ Tuấn T** về mọi mặt. Do vậy cần giao cháu **Đỗ Tuấn T** cho chị **Phạm Thị Hồng N** trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh **Đỗ Tuấn L** không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị **Phạm Thị Hồng N** phải chịu tiền án phí ly hôn theo khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị **Phạm Thị Hồng N** và anh **Đỗ Tuấn L**, quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu **Đỗ Tuấn T** sinh ngày 30/5/2019 cho chị **Phạm Thị Hồng N** trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh **Đỗ Tuấn L** không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh **Đỗ Tuấn L** được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc các con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị **Phạm Thị Hồng N** phải chịu 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000217 ngày 19/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai. Chị **Phạm Thị Hồng N** đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND TP Lào Cai (2);
- Các đương sự (2);
- Chi cục THADS TP Lào Cai;
- UBND phường Kim Tân, TP Lào Cai;
- Lưu HS; Lưu TA;

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Thị Anh

Vũ Thị Hòa Hoàng Văn Ngân Hà Thị A

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND (2);
- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp
- THADS huyện Bảo Yên;
- Lưu HS; TA; VP.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Thị Anh

